

Số: 283/2020/QĐST-HNGĐ

Quận 7, ngày 19 tháng 6 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các điều 51, 55, 57, 58, 81, 82 và 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

- Căn cứ Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 275/2020/HNST ngày 05 tháng 6 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Ông Nguyễn Văn H; sinh năm: 1960;

Địa chỉ: phường Tân Hưng, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bà Lê Thị L; sinh năm: 1967;

Địa chỉ: phường Tân Hưng, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Văn H và bà Lê Thị L được xác lập vào năm 1988, có đăng ký kết hôn quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên đây là hôn nhân hợp pháp, do đó khi có yêu cầu ly hôn được áp dụng các quy định về ly hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình và thủ tục giải quyết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Quá trình chung sống giữa bà ông Nguyễn Văn H và bà Lê Thị L có phát sinh mâu thuẫn, đồng thời cả hai đều nhận thấy không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được nên tự nguyện thuận tình ly hôn và yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn là phát sinh việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Xét thấy tình cảm giữa ông Nguyễn Văn H và Lê Thị L đã thật sự không còn, không có khả năng đoàn tụ. Việc thuận tình ly hôn của ông Nguyễn Văn H và bà Lê Thị L là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, xét thấy nên chấp nhận.

[3] Về con chung: Có 02 con chung họ và tên:

- Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm: 1990 (đã trưởng thành);
- Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm: 1995 (đã trưởng thành).

[4] Về tài sản chung: Ông Nguyễn Văn H và bà Lê Thị L tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: Ông Nguyễn Văn H và bà Lê Thị L xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[6] Về lệ phí việc dân sự: Ông Nguyễn Văn H và bà Lê Thị L chịu lệ phí việc dân sự sơ thẩm theo quy định.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn H và bà Lê Thị L thuận tình ly hôn. Giấy chứng nhận kết hôn số 37, quyển số 1 do Ủy ban nhân dân xã Tân Quy Tây, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22 tháng 8 năm 1988 không còn hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Có 02 con chung họ và tên: Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm: 1990 (đã trưởng thành) và Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm: 1995 (đã trưởng thành).

- Về tài sản chung: Các đương sự xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Các đương sự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**2.** Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Ông Nguyễn Văn H và bà Lê Thị L cùng liên đới chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự là 300.000 (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300 (Ba trăm

ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng lệ phí số AA/2018/32579 ngày 05/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**4.** Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 7;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân phường Tân Kiểng, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu: VT, Hồ sơ (Thùy Trang).

**THẨM PHÁN**  
**(Đã ký)**

**Bùi Viết Bình**